

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

QUỸ ETF SSIAM VNX50

Số/No. 613/2019/TB-SSIAM-NVQ

Hà Nội, ngày 19 tháng 12 năm 2019
Hanoi, 19 December 2019

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH
HOÁN ĐỔI

ANNOUNCEMENT
AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM
To: Hochiminh Stock Exchange

- Tên CTQLQ/ Fund Management company: Công ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI
- Tên Ngân hàng giám sát/ Supervisory Bank: Ngân hàng BIDV, chi nhánh Hà Thành
- Tên Quỹ ETF/ ETF name: Quỹ ETF SSIAM VNX50
- Mã chứng khoán/ Securities symbol: FUESSV50
- Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange date: 18/12/2019
- Đơn vị tính lô: 1 lô ETF tương đương: 100.000 chứng chỉ quỹ ETF
Unit: 1 lot of ETF = 100,000 ETF certificates

Danh mục đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ Basket of Component securities and cash component:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities symbol	Volume	Weighting
I	Chứng khoán/Stock		
1	ACB	2,200	4.0%
2	BVH	100	0.6%
3	CII	300	0.5%
4	CTD	50	0.2%
5	CTG	430	0.7%
6	DHG	10	0.1%
7	DXG	560	0.6%
8	EIB	1,520	2.1%
9	FLC	820	0.3%
10	FPT	790	3.5%
11	GAS	130	1.0%
12	GEX	590	0.9%
13	GMD	360	0.7%
14	HBC	230	0.2%
15	HCM	170	0.3%
16	HDB	1,000	2.1%
17	HPG	2,410	4.4%
18	HSG	370	0.2%



Handwritten signature or mark.

19	KBC	510	0.6%
20	MBB	1,990	3.3%
21	MSN	680	3.0%
22	MWG	410	3.7%
23	NLG	190	0.4%
24	NVL	540	2.4%
25	PDR	180	0.4%
26	PLX	150	0.7%
27	PNJ	250	1.6%
28	POW	680	0.7%
29	PVD	290	0.3%
30	PVS	300	0.4%
31	REE	240	0.7%
32	ROS	330	0.6%
33	SAB	100	1.9%
34	SBT	410	0.6%
35	SHB	1,400	0.7%
36	SSI	440	0.7%
37	STB	2,620	2.1%
38	TCB	3,300	6.0%
39	TCH	280	0.7%
40	TPB	720	1.2%
41	VCB	430	2.9%
42	VCG	100	0.2%
43	VCS	100	0.7%
44	VGC	200	0.3%
45	VHM	1,210	8.2%
46	VIC	1,120	10.3%
47	VJC	380	4.3%
48	VNM	990	9.2%
49	VPB	2,450	3.8%
50	VRE	1,520	4.0%
II	Tiền/Cash (VND)	10,288,306	

- Chênh lệch giữa danh mục chứng khoán cơ cấu và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ *Spread between a basket and one lot of ETF in value:*

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/ <i>Basket in value</i>	1,245,479,000 VND
+ Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ <i>Value per lot of ETF</i>	1,255,767,306 VND
+ Giá trị chênh lệch/ <i>Spread in value</i>	10,288,306 VND
+ Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch / <i>Plan to reduce the spread</i>	

· Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/ *With creation order* : Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ *Transfer cash component*

· Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/ *With redemption order* : Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ *Receive cash component after subtracting tax and redemption fee*

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay bằng tiền (nếu có, nêu rõ lý do)/ *In case, stock can be replaced by cash, state reason:*

STT	Mã Chứng Khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)	Đối tượng áp dụng	Lý do
1	BVH	72,200	BVSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 44.4 a Thông tư 210/2012/TT-BTC <i>Restriction of ownership by Circular 210/2012/TT-BTC</i>
2	SSI	18,650	SSI	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch <i>Treasury stock not yet registered for trading</i>
3	VCB	85,300	VCBS	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 44.4 a Thông tư 210/2012/TT-BTC <i>Restriction of ownership by Circular 210/2012/TT-BTC</i>
4	ACB	22,800	Nhà đầu tư nước ngoài <i>/ Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa <i>/ The stock reaches foreign ownership limit</i>
5	FPT	55,400	Nhà đầu tư nước ngoài <i>/ Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa <i>/ The stock reaches foreign ownership limit</i>
6	GMD	23,500	Nhà đầu tư nước ngoài <i>/ Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa <i>/ The stock reaches foreign ownership limit</i>
7	MWG	113,300	Nhà đầu tư nước ngoài <i>/ Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa <i>/ The stock reaches foreign ownership limit</i>
8	NLG	26,750	Nhà đầu tư nước ngoài <i>/ Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa <i>/ The stock reaches foreign ownership limit</i>
9	PNJ	82,200	Nhà đầu tư nước ngoài <i>/ Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa <i>/ The stock reaches foreign ownership limit</i>
10	REE	36,000	Nhà đầu tư nước ngoài <i>/ Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa <i>/ The stock reaches foreign ownership limit</i>



Handwritten signature or mark.

11	TCB	22,750	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
12	TPB	21,000	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
13	VPB	19,300	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit

Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This Period 18/12/2019	Kỳ trước/Last Period 17/12/2019	Chênh lệch/ Change
Số lô đã phát hành thêm/ <i>Creation Units were issued</i>	0	0	0
Số lô đã mua lại/ <i>Creation Units were redeemed</i>	0	0	0
Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ <i>Issued shares</i>	14,200,000	14,200,000	0
Giá đóng cửa (VND/ccq)/ <i>Close price</i>	12,500	12,600	-100
Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ <i>Net Asset Value at Valuation Date</i>			
<i>của quỹ ETF/ of the Fund</i>	178,318,957,518	180,107,246,597	-1,788,289,079
<i>của 1 lô CCQ ETF/ per Creation Unit</i>	1,255,767,306	1,268,360,891	-12,593,585
<i>của 1 CCQ/ per Share</i>	12,557.67	12,683.60	-125.93
Chỉ số tham chiếu/ <i>Tracking Index</i>	1,413.51	1,421.80	-8.29

Đại diện tổ chức

Organization representative



Tô Thùy Linh
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC